TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Võ Văn Long.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa:

-*Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Cẩm N, sinh năm: 1976.

Cư trú tại: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

-*Bị đơn*: Ông Bùi Quốc H, sinh năm: 1976.

Cư trú tại: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bà Phan Thị Cẩm N là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Bùi Quốc H được tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2005, tại Ủy ban nhân dân xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được đến tháng 01/2005 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường hay cờ bạc, không lo gì cho vợ con, khi bà khuyên lơn thì ông H đánh đập bà. Vợ chồng tuy còn sống

chung một nhà nhưng không còn quan tâm với nhau, mạnh ai nấy sống, khi ly hôn bà sẽ về nhà cha mẹ ruột sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Bùi Quốc H.

Về con chung: Bà và ông H có với nhau hai người con chung tên Bùi Quốc H, sinh ngày 26/9/1997, hiện nay đã trưởng thành sống tự lập được và Bùi Thị Yến N, sinh ngày 11/4/2003, hiện nay đang sống với ông H. Khi ly hôn bà đồng ý để ông H tiếp tục nuôi con tên Bùi Thị Yến N, bà có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, bà được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Bùi Quốc H là bị đơn theo xác nhận của Công an xã Bình Quới ngày 16/01/2018, ông H hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án nhiều lần tống đạt trực tiếp các thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho cha mẹ ông H để giao lại cho ông H nhưng ông H vắng mặt không lý do, do đó cần áp dụng các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Bùi Quốc H.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Riêng đối với ông Bùi Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên đề nghị áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Quốc H.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị Cẩm N xin ly hôn với ông Bùi Quốc H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết.

[2] Bà Phan Thị Cẩm N và ông Bùi Quốc H được tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2005, tại Ủy ban nhân dân xã Bình Quới, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà Phan Thị Cẩm N sau ngày cưới vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thường hay cờ bạc, không lo gì cho vợ con, khi bà khuyên lơn thì ông H đánh đập bà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin ly hôn với ông H. Đối với ông Bùi Quốc H hiện đang có mặt tại địa phương, Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các

thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho cha mẹ của ông H, cam kết giao lại cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, đã thể hiện ý thức không hợp tác của ông H. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Phan Thị Cẩm N được ly hôn với ông Bùi Quốc H, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Nguyên đơn khai trình hai đương sự có với nhau hai người con chung tên Bùi Quốc Huy, sinh ngày 26/9/1997, hiện nay đã trưởng thành sống tự lập được nên khi ly hôn không đặt ra và Bùi Thị Yến N, sinh ngày 11/4/2003, hiện nay đang sống với ông H. Khi ly hôn bà N đồng ý để ông H tiếp tục nuôi con tên Bùi Thị Yến N, bà có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà N phù hợp với nguyện vọng của con chung của hai đương sự nên chấp nhận. Bà N được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị Cẩm N được ly hôn với ông Bùi Quốc H.

2. Về con chung: Khi ly hôn ông Bùi Quốc H được tiếp tục giữ nuôi con chung tên Bùi Thị Yến N, sinh ngày 11/4/2003, đến tuổi trưởng thành. Bà Phan Thị Cẩm

N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2018 cho đến khi Bùi Thị Yến N đủ 18 tuổi, đồng thời được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị Cẩm N đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0002057 ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Phan Thị Cẩm N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Thái